

TÒA ÁN ND HUYỆN NGÀ SƠN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2018/DS-ST

Ngày: 30/11/2018

V/v: tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGÀ SƠN - TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Ông Đỗ Xuân Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân : Ông Nguyễn Văn Hạnh.

Bà Mai Thị Bình.

-Thư ký phiên tòa : Ông Phan Thanh Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 32/2018/TLST-DS ngày 28 tháng 9 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2018/QĐXXST-DS ngày 14/11/2018, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Lưu Thị M – sinh năm 1963(có mặt).

Địa chỉ: Thôn Cao Xá, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

* Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng V – sinh năm 1982(có mặt).

Địa chỉ công tác: Trường trung học cơ sở xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/9/2017 và trình bày của nguyên đơn:

Chị Lưu Thị M và chị Nguyễn Thị Hồng V là giáo viên Trường THCS xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa có quen biết nhau(chị V là học sinh cũ của chồng chị). Ngày 13/12/2017 chị V có đến nhà chị nói có việc cần tiền và hỏi vay số tiền 200.000.000đ(Hai

trăm triệu đồng) lãi xuất và thời gian trả nợ được thỏa thuận bằng miệng “khi nào cần báo trước một tháng, sẽ trả cả gốc và lãi”. Chị đồng ý cho chị V vay và lấy số tiền trên đưa cho chị V, chị V có viết giấy vay tiền đưa cho chị giữ. Đến thời điểm cần tiền chị có hỏi chị V nhiều lần nhưng chị V không trả, khát lần và cố tình né tránh. Đến tháng 8 năm 2018 chị V gửi chị gái trả cho chị được số tiền gốc 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) và tiền lãi đến hết tháng 6/2018. Đến nay chị V vẫn không trả thêm cho chị được số tiền nào. Nay, chị làm đơn đề nghị Tòa án buộc chị V phải có trách nhiệm trả cho chị số tiền gốc 170.000.000đ (Một trăm, bảy mươi triệu đồng) và không yêu cầu chị V phải trả lãi xuất đến ngày xét xử.

Theo bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng V trình bày: Chị và chị Lưu Thị M có quen biết nhau, chị có vay tiền của chị M nhiều lần và lần cuối cùng chốt nợ (chị có viết giấy nhận nợ) là vào ngày 13/12/2017 với số tiền 200.000.000đ. Chị hứa sẽ trả gốc và lãi theo sự thỏa thuận của hai bên bằng miệng “Nếu chị M cần báo trước một tháng”. Ngày 04/9/2018 chị gửi chị gái trả cho chị M số tiền gốc 30.000.000đ và tiền lãi đến hết tháng 8/2018. Nay chị thừa nhận còn nợ chị M số tiền gốc 170.000.000đ, do khó khăn nên chị xin được trả dần cho chị M mỗi năm 5.000.000đ và xin không tính lãi xuất.

Quá trình giải quyết tại Tòa án: Chị V thừa nhận còn nợ chị M số tiền gốc là 170.000.000đ. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các bên không thống nhất được hướng giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tố tụng: Tranh chấp giữa chị Lưu Thị M và chị Nguyễn Thị Hồng V là tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với “Hợp đồng vay tiền mặt” ngày 13/12/2017, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện được quy định tại Khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã giao Thông báo thụ lý vụ án cho các bên đương sự biết và làm bản tự khai nêu quan điểm, yêu cầu của mình. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải những vấn đề mà các bên yêu cầu nhưng các bên đương sự không thống nhất được hướng giải quyết vụ án. Vì vậy, ngày 14/11/2018, Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử để đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: Ngày 13/12/2017 chị Nguyễn Thị Hồng V đã viết giấy và ký nhận nợ tiền mặt với chị Lưu Thị M số tiền là 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*), không thể hiện việc thế chấp, lãi xuất và thời gian trả nợ trong hợp đồng (có thỏa thuận bằng miệng). Hợp đồng có nội dung rõ ràng, người vay đã ký nhận, thuộc phạm vi mà pháp luật dân sự quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự. Như vậy là giao dịch hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu của chị Lưu Thị M đề nghị Tòa án buộc chị Nguyễn Thị Hồng V thanh toán số tiền nợ gốc còn lại: 170.000.000đ (*Một trăm, bảy mươi triệu đồng*) và không yêu cầu tính lãi xuất là có căn cứ, phù hợp với qui định của pháp luật nên cần được xem xét chấp nhận.

[4] Xét đề nghị của chị Nguyễn Thị Hồng V: Chị công nhận ngày 13/12/2017 chị có hỏi vay chị M số tiền 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*) và viết giấy nhận vay là có thật. Trong thời gian vay chị đã trả cho chị M được 30.000.000đ tiền gốc và lãi đến hết tháng 8/2018. Tuy nhiên, do khó khăn nên số tiền gốc còn lại 170.000.000đ chị xin được trả dần cho chị M 5.000.000đ/năm và xin không tính lãi xuất. Đề nghị của chị V là không phù hợp với thực tế, không có căn cứ để xem xét, nên buộc chị V phải có trách nhiệm thanh toán số tiền gốc còn lại 170.000.000đ cho chị M là phù hợp với các quy định của pháp luật.

[5] Tại phiên tòa chị Lưu Thị M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận, hòa giải với nhau được hướng giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo pháp luật.

[6] Như vậy, căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của chị Lưu Thị M, tài liệu, chứng cứ các đương sự cung cấp và hòa giải, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Việc chị Nguyễn Thị Hồng V còn nợ số tiền gốc 170.000.000đ của chị Lưu Thị M là đúng thực tế. Cho nên, buộc chị Nguyễn Thị Hồng V phải có trách nhiệm trả cho chị Lưu Thị M số tiền 170.000.000đ (*Một trăm, bảy mươi triệu đồng*). Chị Lưu Thị M không yêu cầu về lãi xuất nên miễn xét.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng V là bên vi phạm hợp đồng vay tài sản nên phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Chị Lưu Thị M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 351; 463; 466 Bộ luật dân sự. Điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Xử: Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của chị Lưu Thị M. Buộc chị Nguyễn Thị Hồng V phải trả cho chị Lưu Thị M số tiền 170.000.000đ(*Một trăm, bảy mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và chị M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị V không thi hành thì hàng tháng chị V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Hồng V phải nộp 8.500.000đ(*Tám triệu, năm trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho chị Lưu Thị M số tiền tạm ứng án phí 4.250.000đ(*Bốn triệu, hai trăm, năm mươi nghìn đồng*) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Thanh Hóa theo biên lai thu tiền số: AA/2017/0004904 ngày 28/9/2018.

*Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bên đương sự. Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Xuân Hùng